

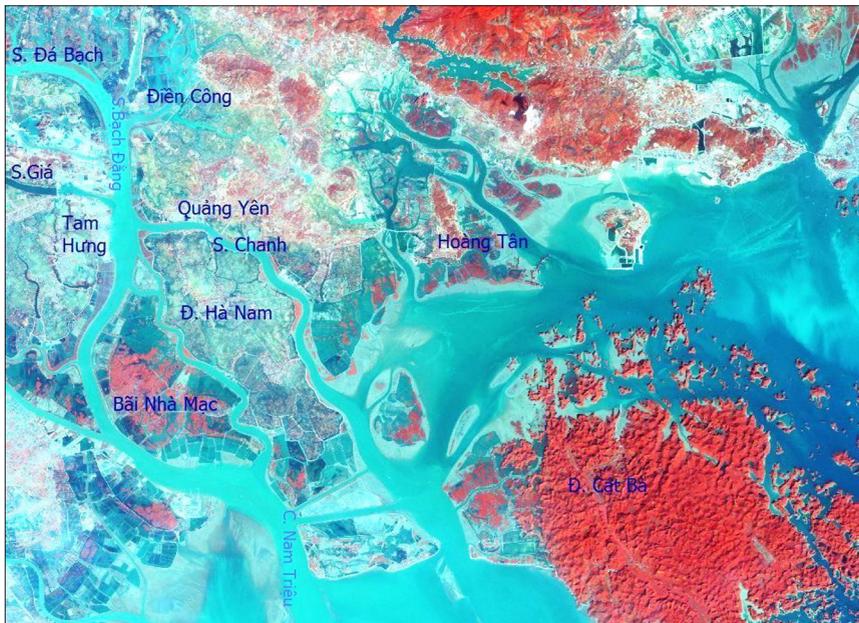
VĂN HÓA - LỊCH SỬ

# SÔNG BẠCH ĐẰNG VÀ CỬA BIỂN BẠCH ĐẰNG: NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ

Trần Trọng Dương\*

## I. Cửa Bạch Đằng - sông Bạch Đằng hiện nay

**Cửa Nam Triệu** (南趙海口) hay **cửa Bạch Đằng** (白藤/白滕) là cửa của hệ sông Bạch Đằng (dài 43km) thuộc hệ thống sông Kinh Thầy, sông Thái Bình, Sông Hồng ngày nay.<sup>(1)</sup> Đây ranh giới giữa Hải Phòng và Quảng Ninh. Bờ phía bắc là các huyện Yên Hưng - Uông Bí - Đông Triều của tỉnh Quảng Ninh, bờ phía nam là Cát Hải - An Hải - Thủy Nguyên của Hải Phòng và huyện Kinh Môn của tỉnh Hải Dương. Phía bắc của cửa Nam Triệu là cửa Sông Nam (đảo Hà Nam), cửa Sông Chanh của tỉnh Quảng Ninh; phía nam là đảo Đình Vũ, Cửa Cấm, cửa Lạch Tray của Hải Phòng. Chấn ngoài cửa Nam Triệu là Cát Hải và quần đảo Cát Bà.



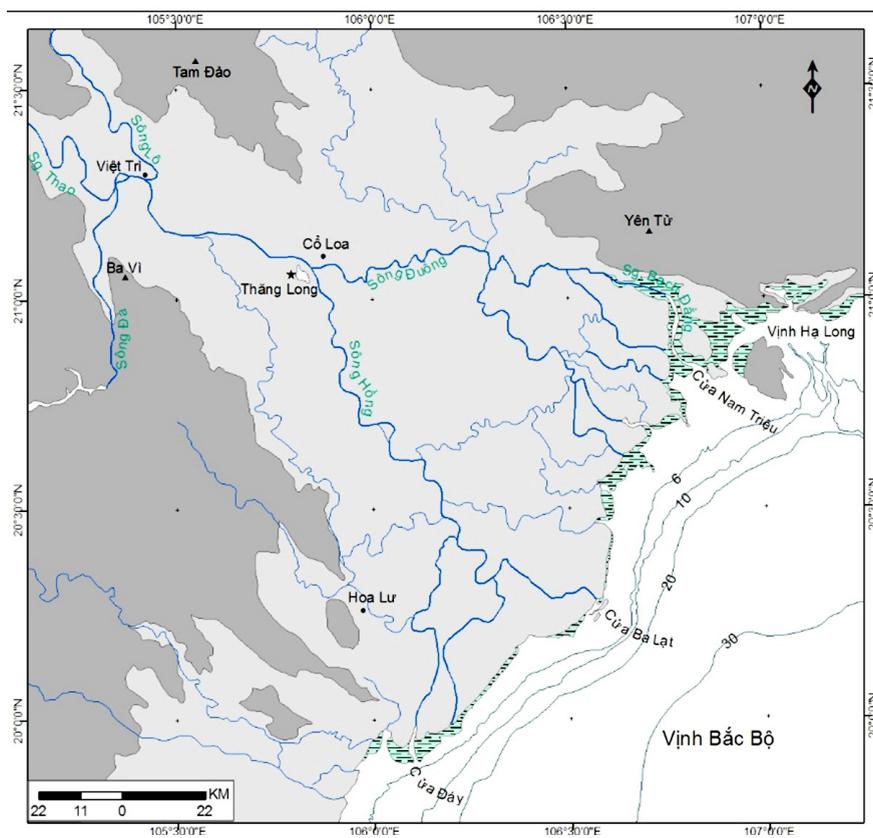
Hình 1: Vùng cửa biển Bạch Đằng (Ảnh vệ tinh Spot ngày 01/3/2008, CNES, France).

Nguồn: Trần Đức Thạnh (2013: 15).

Cửa Bạch Đằng là một cấu trúc estuary hình phễu nửa kín, chịu động lực ngoại sinh ưu thế của thủy triều, thiên về xói lở xâm thực, nơi mà dòng bồi tích chủ yếu dọc theo bờ tây nam trong điều kiện nhật triều biên độ lớn.<sup>(2)</sup> Cửa Bạch Đằng có bình phong là đảo Cát Bà chặn ngoài khiến cho nó ít chịu tác động của sóng khơi

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

từ đông vỗ vào, mà chủ yếu chỉ có các sóng nhỏ từ nam đi lên, điều này đã quy định tính chất nửa kín của cửa.<sup>(3)</sup> Tính nửa kín là điều kiện tiên quyết để hình thành trung tâm cảng thị. Sự thuận tiện giao thông là yếu tố cơ bản để tạo nên vị thế địa chính trị (geopolitics),<sup>(4)</sup> địa chiến lược (geostrategics) của Bạch Đằng. Vùng cửa biển và hệ sông này có các dải núi Kiến An - Đồ Sơn chắn ở tây nam, Mạo Khê - Yên Lập chặn phía bắc, quần đảo Cát Bà ở phía đông.<sup>(5)</sup> Vùng cửa biển Bạch Đằng hiện có cấu trúc dạng phễu điển hình đang chịu động lực thủy triều gây xói lở. Cách nay khoảng 500-700 năm, đây từng là một bộ phận của châu thổ Sông Hồng, với đường bờ biển lấn xa hơn hiện nay. Quá trình biển tiến ở vùng này là do hệ thống Sông Hồng - sông Thái Bình - sông Kinh Thầy đã chuyển lượng phù sa từ nhánh bắc (Kinh Thầy) xuống các nhánh phía nam (Sông Hồng - sông Thái Bình - Sông Đáy).<sup>(6)</sup>



Hình 2: Cửa sông Bạch Đằng (cửa Nam Triệu) với Thăng Long. Lê Đức An (2010).<sup>(7)</sup>

Vùng cửa biển Bạch Đằng là một hệ cửa biển đa sông đa cửa, nhưng có ba cửa chính là cửa Nam Triệu - Cửa Cấm - cửa Lạch Huyện. Nam Triệu là cửa chính của sông Bạch Đằng, Lạch Huyện là cửa của Sông Chanh, Cửa Cấm là cửa của Sông Cấm đổ ra cửa Nam Triệu và phần phía nam của bãi Đình Vũ. Ở đây, chúng tôi sử dụng khái niệm “cửa Nam Triệu - Bạch Đằng” để chỉ chung cho hệ cửa này. Riêng cửa Lạch Huyện được tách ra trong một nghiên cứu khác.

Về mặt loại hình, cửa Nam Triệu - Bạch Đằng thuộc loại cửa biển hệ sông. Cửa Nam Triệu nay đổ ra biển ở đoạn đảo Đình Vũ và đảo Hà Nam. Nhưng từ góc độ loại hình, thì cửa biển này là một phức hệ đa cửa - đa sông: các sông đổ ra cửa - cửa lại tách thành các dòng nhỏ để đổ ra biển. Cửa Nam Triệu - Bạch Đằng vừa là nơi hội tụ của các dòng nhánh đổ về, lại vừa tạo ra các sông con để đổ ra biển. *Đồng Khánh địa dư chí* ghi: “sông Bạch Đằng chia làm 3 nhánh. Nhánh thứ nhất chảy theo hướng đông vào địa phận xã Yên Hưng, chia thành nhánh sông Chanh đổ vào sông xã Lựu Khê. Nhánh thứ hai chảy về phía tây đi vào huyện Thủy Đường tức sông Mỹ. Nhánh thứ ba chảy lên hướng bắc đi vào xã Yên Tri tạo thành sông Cồn Khoai. Sông Cồn Khoai lại tách làm 3 nhánh, nhánh thứ nhất chảy vào xã Khoái Lạc, nhánh thứ hai chảy vào xã Trạp Khê, nhánh thứ ba là sông Uông chảy lên phía bắc vào xã Hạ Mộ Công huyện Đông Triều”.<sup>(8)</sup> Cách mô tả này là không chính xác so với các dòng chảy trên thực tế. Bởi Sông Uông là một nhánh từ núi phía bắc chảy xuống nam đổ vào Bạch Đằng. Nhưng dấu sao sử liệu này cũng cho biết Bạch Đằng là một phức hệ đa sông - đa cửa.

Nam Triệu hiện nay là cửa chính, và sông Bạch Đằng mới là đoạn sông từ Gia Đước kéo xuống tận đảo Vũ Yên dài 43km. Trên đoạn cửa này các nhánh sông của hệ sông Bạch Đằng cổ dồn đổ về như nhánh sông Đá Bạc/ Đá Bạch (dòng chính) - nhánh sông Gia Đước (dòng phụ 1) - nhánh Sông Thái (dòng phụ 2) - nhánh Sông Giá (dòng phụ 3) - nhánh Sông Cầu (lưu tích hiện còn là hồ Sông Cầu và hồ Uyên Ương, thuộc Phả Lễ, Thủy Nguyên, dòng phụ 4) - nhánh Hậu Long (gồm đoạn tách dòng từ hồ Đà Nẵng, sang sông Hậu Long - Sông Dục - hồ Thần Chết trên địa bàn Lập Lễ, dòng phụ 5) - sông Ruột Lợn và Sông Cấm (dòng phụ 6). Và cuối cùng là Sông Cấm (Cửa Cấm, dòng phụ 7).<sup>(9)</sup> Bên bờ đông của sông Bạch Đằng có Sông Uông từ Uông Bí đổ về theo hướng bắc nam (dòng phụ 8), Sông Khoai từ Yên Hưng đổ sang (dòng phụ 9), Sông Chanh (chia nhánh từ Phả Rừng đổ ra biển theo hướng đông nam, ra Hà An của thị xã Quảng Yên, dòng phụ 10), Sông Rút/ Sông Nam (ở phía nam và song song với Sông Chanh, chia đôi Bãi Nhà Mạc và đổ ra Nam Triệu, dòng phụ 11). Các dòng phụ từ 1 đến 8 là các chi lưu đổ vào Bạch Đằng, có thể coi đó là cửa sông trong cửa sông, cửa sông trong cửa biển. Các dòng phụ như Sông Chanh, Sông Nam/ Sông Rút là các chi lưu phái sinh từ Bạch Đằng, là sông sinh ra từ cửa biển, là cửa biển của cửa biển. Sông Chanh, Sông Nam thực chất là các cửa biển thoát nước của Bạch Đằng giống như Nam Triệu. Vì thế sông Bạch Đằng hiện nay có thể coi là một hệ sông đa cửa - đa sông. Điểm tinh tế là ở chỗ, bản thân sông Bạch Đằng hiện nay (trở ngược lên đến đầu thế kỷ 19) chỉ là một đoạn sông cổ hoặc có khi là cửa biển Bạch Đằng cổ, như sẽ chứng minh ở dưới đây.

## II. Cửa Bạch Đằng - hệ sông Bạch Đằng: nghiên cứu địa danh học lịch sử

Con sông Bạch Đằng vang danh trong sử sách từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 16 là để chỉ một hệ thủy văn rộng lớn hơn sông Bạch Đằng hiện nay (43km), gồm hai tuyến: 1) Tuyến từ Lục Đầu Giang đến sông Kinh Thầy - sông Đá Vách - sông Đá Bạc, 2) Tuyến từ Lục Đầu Giang đến sông Kinh Thầy - sông Kinh Môn- Sông Cấm. Ở đây, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “hệ sông Bạch Đằng”, gồm chỉ một vùng địa lý tự nhiên ven biển nằm trên không gian chia nhánh của hệ sông Kinh Thầy.

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, cửa Nam Triệu thuộc hệ sông Thủ Chân (hoặc sông Thủ Chính, hoặc sông Lôu Khê, nay là sông Kinh Thầy). Đoạn đầu của nó nằm cách huyện Chí Linh 11 dặm về phía đông bắc, gọi là Sông Kiều (tức đoạn từ hồ Bén Tắm xuống đến sông Đông Mai - ranh giới giữa Chí Linh và Đông Triều). Nước từ sông Lôu Khê (sông Kinh Thầy đoạn ở Nam Sách - Chí Linh) chảy về đông thì nhận thêm nước từ Sông Kiều đổ vào ngay chỗ Trạm Lộ của xã Bạch Đằng huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương. Sông chia làm hai nhánh: 1) Một nhánh chảy qua xã An Điền; 2) Một nhánh chảy theo hướng đông nam khoảng 4 dặm, đi qua xã Lũ Động (ở phía tây bắc của huyện Giáp Sơn) thì tách ra dòng nhỏ chảy qua xã Tống Xá - xã Đông Quan - xã Bằng Bộ với chiều dài 19 dặm xuôi ra bên đò Phương Kiều. Một dòng nữa từ xã Lũ Động chảy qua phía tây huyện Đông Triều 6 dặm, đến xã Đặng Xá - Ninh Xá thì hợp lưu với một ngòi nhỏ từ xã Đại Uyên - Lê Xá - Ninh Xá chảy về. Sông lại chảy tiếp 10 dặm thì tới xã An Bài lại hòa lưu với một dòng nhỏ từ xã Bằng Sơn - Hoàng Kim - Tông Bản, tổng cộng chiều dài là 28 dặm. Sông lại chảy qua 5 dặm đến xã Bình Lục, thì lại hòa lưu với dòng nhỏ từ xã Hồ Lao - Phước Đa (có chiều dài 39 dặm). Sông lại chảy 2 dặm thì đến xã Đông Triều, chảy tiếp 14 dặm thì tới xã Trại Sơn của huyện Giáp Sơn, chảy tiếp 11 dặm đến ngã ba xã Đồn Sơn huyện Đông Triều (dân gian gọi là ngã ba Kênh Mèo). Sông chảy tiếp 5 dặm thì tới ngã ba xã Diệm Khê thì hòa lưu với hai ngòi từ hai xã Quế Lạt và Lâm Xá chảy về. Sông lại chảy qua núi Hang Sơn chừng 5 dặm đến xã Đạo Tú huyện Thủy Đường thì hòa lưu với một dòng nhỏ từ xã Hạ Lôu huyện Đông Triều. Sông lại chảy 15 dặm nữa đến xã Điền Công thì lại hòa lưu với một khe nhỏ từ xã Thượng Mộ Công chảy về. Sông lại chảy 4 dặm nữa đến sông Bạch Đằng, chảy tiếp 19 dặm thì đổ ra cửa biển Bạch Đằng.<sup>(10)</sup>

Về mặt lịch đại, cửa sông Bạch Đằng (thế kỷ 10-16) tương đối trùng với vị trí hiện nay, vì đây là một sông sâu và dài, và quá trình giao tranh sông biển chủ yếu nghiêng về xu hướng xói lở trong quãng 700 năm nay. Tuy nhiên, vấn đề trường độ của sông Bạch Đằng và tên gọi của nó lại tương đối phức tạp bởi diên cách địa danh và thay đổi hành chính trong cả nghìn năm lịch sử. Hiện nay, sông Bạch Đằng - cửa Bạch Đằng bắt đầu từ đảo Đình Vũ ngược lên theo hướng tây bắc đến chỗ bến phà Rừng (Bạch Đằng còn có tên dân gian là Sông Rừng/ Sông Dừng/

Sông Dằng<sup>(11)</sup> và bãi cọc Bạch Đằng ở Minh Đức (Thủy Nguyên - Hải Phòng). Thế kỷ 19, *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “sông Bạch Đằng ở phía đông nam huyện Thủy Đường 14 dặm, do các nước sông Vũ Yên huyện An Dương và sông Diêm Khê huyện Thủy Đường hợp lưu chảy theo hướng đông đổ ra biển, phía nam huyện Thủy Đường, phía bắc là địa giới tỉnh Quảng Yên”.<sup>(12)</sup> Như thế, sông Bạch Đằng hiện nay và thế kỷ 19 là gần so với thực tế trong lịch sử, vì các đoạn sông ở phía trên thượng nguồn đã bị đổi thành tên khác, như trình bày dưới đây.

*Đại Nam nhất thống chí* ghi cửa Nam Triệu thuộc hệ sông Thủ Chân (sông Thủ Chính, từ Chí Linh chảy về biển). Phạm Sư Mạnh (1303 - 1384) đời Trần trong bài “Đề lên sườn Bão Phúc ở Hiệp Sơn” còn tả “mùa thu Bạch Đằng [tỏa] tú khí non sông” (江山清氣白藤秋). Hiệp Sơn 峽山<sup>(13)</sup> (hoặc Giáp Sơn) hiện là tên một xã của huyện Kinh Môn, giáp ranh với huyện Thủy Nguyên, đây chính là chỗ sông Kinh Thầy chia nhánh, một dòng xuôi xuống theo hướng đông nam là Sông Hàn (ranh giới giữa An Hải và Thủy Nguyên), một dòng đi lên theo hướng đông bắc tức sông Kinh Thầy rồi hợp lưu với sông Đá Vách. Dưới xã Hiệp Sơn là xã Hiệp An - An Lưu (trung tâm của huyện Kinh Môn), qua đò Phụ Sơn là sang đất Thủy Nguyên. Thế thì, vào thế kỷ 14, đoạn từ cửa Bạch Đằng vào đến đây vẫn thuộc sông Bạch Đằng. Trong bài thơ “Lưu đề lên núi Thạch Môn” (khắc trên núi Kính Chủ/ núi Quán Châu/ núi Dương Nham thuộc xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ngày nay), Phạm Sư Mạnh miêu tả sóng Bạch Đằng cuộn cuộn, cửa biển ngàn thuyền chiến, núi Hiệp Môn có vạn cờ chiến thuở đánh giặc Nguyên.<sup>(14)</sup> Trương Hán Siêu (? - 1354) trong “Bạch Đằng Giang phú” mô tả “vượt cửa Đại Than, nhắm đến đầu Đông Triều, tới Bạch Đằng Giang”.<sup>(15)</sup> Vậy Bạch Đằng bắt đầu từ cửa Đại Than - tức khoảng phân chi thành nhánh sông Thái Bình và sông Kinh Thầy nay. Năm 1419, *An Nam chí nguyên* tả sông Bình Than (sông Bàn Than, sông Thôi Than) nằm trên địa phận huyện Chí Linh, nguồn từ Xương Giang đến Thị Cầu thì hợp lưu chảy qua núi Chí Linh núi Phả Lại, mênh mông vô bờ, đến cửa sông Mô Độ thì phân phái đổ ra biển.<sup>(16)</sup> Xét, sông Bình Than được tả ở đây bao gồm cả đoạn từ Lục Đầu Giang về sau chính là sông Kinh Thầy. Thế kỷ 15, theo Nguyễn Trãi, cửa Bạch Đằng thuộc hệ sông Bạch Đằng (hoặc Vân Cừ), Hà Văn Tấn chú rằng, sông Bạch Đằng bao gồm cả sông Kinh Thầy ngày nay là rất có cơ sở.<sup>(17)</sup> Xét, đoạn sông Kinh Thầy chảy qua phía bắc của huyện Kinh Môn nay còn một xã mang tên Bạch Đằng, trung tâm của xã là Trạm Lộ. Trạm Lộ là ngã ba giữa Kinh Môn - Chí Linh - Đông Triều. Còn nếu theo cách ghi của *Đại Nam nhất thống chí*, sông Thủ Chân / Thủ Chính chỉ là tên đương thời của sông Bạch Đằng cổ, thì Bạch Đằng phải bắt đầu từ chỗ Lục Đầu Giang chia thành hai nhánh sông Thái Bình và sông Kinh Thầy; tức là sông Bạch Đằng từ thế kỷ X-XIV bắt đầu từ chỗ thôn Lâu Khê (xã Hiệp Cát, Nam Sách, Hải Dương). Hệ sông Bạch Đằng, như thế, sẽ bao gồm các đoạn - các nhánh sông Kinh Thầy, sông Đá Vách, sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng nay.<sup>(18)</sup>

Như vậy, kết hợp địa danh học lịch sử với các nghiên cứu về lịch sử bồi lở của cửa sông Bạch Đằng, chúng ta thấy, cửa Bạch Đằng là tên gọi của cửa sông Bạch Đằng thuộc hệ sông Bạch Đằng (Sông Dằng/ Dừng). Cái tên Nôm “Dùng/ Dằng” (với quan hệ thủy âm đ-/d-) cho thấy đây là cái tên dân gian cổ hiện còn bảo lưu được, cho phép xác định thời điểm xuất hiện địa danh này vào khoảng cuối thiên niên kỷ thứ nhất. Từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 13-14, những cứ liệu hiện còn cho thấy, cửa Bạch Đằng là lối vào của hệ sông Bạch Đằng kéo dài từ Lục Đầu Giang đến tận cửa biển. Thời thuộc Minh, sông Bạch Đằng được chia làm 4 khúc gồm Bình Than (Lục Đầu Giang đến ngã ba Đờ Mộ,<sup>(19)</sup> đoạn ở Nam Sách nay), Đô Lý (đoạn ở Kinh Môn nay), Bạch Đằng (đoạn ở Thủy Nguyên nay), Giáp Giang (đoạn ở Thủy Nguyên nay) và cửa biển vẫn mang tên cửa Bạch Đằng. Đến khi kháng Minh thành công, nhà Lê sơ trong quá trình tái thiết đất nước, đã dùng lại tên Bạch Đằng cũ và thêm một tên mới là Vân Cù (nhưng sử liệu không ghi trường đoạn của sông này). Thế kỷ 16, sử liệu bản đồ cho biết vùng biển là biển Bạch Đằng, tuy không ghi tên sông tên cửa nhưng có thể đoán định vẫn là sông Bạch Đằng, cửa Bạch Đằng. Thế kỷ 17, sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* ghi tuyến sông Hoàng Kinh - Bạch Đằng - cửa Bạch Đằng (xem sử liệu ở dưới). Thế kỷ 19, toàn bộ hệ sông Bạch Đằng chuyển sang tên sông Thủ Chân qua *Đại Nam nhất thống chí*, ở những quãng sông ngắn trên từng địa phương đôi khi vẫn có các tên cục bộ như sông Lâu Khê. Và cửa biển đôi thành cửa Nam Triệu. *Hải Dương phong vật chí* không theo cách gọi của nhà nước mà vẫn sử dụng tên cổ Bạch Đằng. Đến nay, thì tuyến sông này lần lượt từ sông Kinh Thầy đến sông Đá Vách, sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng rồi đổ ra Nam Triệu.

Nhưng đây mới chỉ là nhánh chính của cửa Bạch Đằng và sông Bạch Đằng trong lịch sử. Đến thế kỷ 19, *Đại Nam nhất thống chí* ghi rằng, Bạch Đằng có nhiều nhánh. Nhánh chính từ sông Lục Đầu chảy quanh co đến huyện Thủy Đường (phía bắc là huyện Yên Hưng, phía nam là xã Yên Hưng, như bản đồ sử liệu ở dưới). Đến đây, Bạch Đằng chia làm nhiều ngả nhỏ: một ngả bẻ góc 90 độ, do gặp hệ thống núi đá gốc ở phía đông, rồi đi thẳng ra Biển Đông. Ngay ở đoạn ngoặt, Bạch Đằng lại tiếp tục nhận nước từ Sông Khoai từ các xã Diên Công - Sông Khoai - Hiệp Hòa. Chiếu trên bản đồ vùng cửa sông Bạch Đằng (ở trên) và không ảnh, và bản đồ hành chính tỉnh Quảng Ninh thì thấy, đoạn giữa chỗ xã Tiên An và Cộng Hòa ngày nay là đất liền. Chỗ các xã Sông Khoai - Diên Công bị cắt vào trong, và dòng Sông Khoai hiện là một phần của đầu sông Bạch Đằng, đối diện sang bên kia bờ là bãi cọc Bạch Đằng ở Minh Đức. Hiện chúng tôi có nghĩ đến một khả năng dòng Sông Khoai từng đâm thẳng ra biển, ở chỗ các xã Minh Thành và Tân An cách nay khoảng 3000-2000 năm.<sup>(20)</sup> Sông hiện vẫn nhận nước từ một nguồn từ núi của huyện Hoành Bồ chảy xuống theo hướng bắc nam, chảy qua các xã Quảng La,

Bằng Cả, Minh Thành, Đại Yên, Hoàng Tân rồi đổ ra biển, phía ngoài là đảo Tuần Châu. Thời điểm Sông Khoai đâm ra biển có lẽ chỉ có thể xảy ra trong quãng 3000 - 2000 năm trước. Nhưng sau đó, cùng với việc biển lùi (từ 2000-1000 năm cách nay) và bồi lấp phù sa mạnh của dạng cửa sông châu thổ, cộng thêm với hướng thủy triều bồi tụ từ bắc xuống nam nên đã hình thành nên khoảng đất duyên hải rộng lớn. Sự tồn tại của các dải núi đá gốc trên địa phận Yên Hưng chắn trực diện trước hướng chảy tây đông của Bạch Đằng khiến cho dòng sông này bị bẻ quặt 90 độ theo hướng bắc nam như ngày nay ta thấy.

Trở lại với nhánh sông thứ hai của hệ sông Bạch Đằng được mô tả trong *Đại Nam nhất thống chí*, ta thấy, sông Lô Khê (Bạch Đằng) tiếp nối sông Lục Đầu, chảy theo hướng tây bắc quanh co 33 dặm qua ba tổng An Quế - Lại Thượng - Hoàng Kênh, đến xã Hoàng Kênh thì thành sông Tam Hiệp (三峽).<sup>(21)</sup> Xã Tam Hiệp có lẽ là ngã ba ở xã Minh Tân huyện Kinh Môn nay – nơi nhánh sông Kinh Thầy từ An Lưu chảy lên hòa dòng với sông Đá Vách. Trong một mô tả khác, thì từ đây sông chảy đến ngã ba Đồn Sơn. Xét trên bản đồ không ảnh, Đồn Sơn nằm trên xã Lại Xuân ngày nay. Khi sông Lô Khê chảy đến đây thì chia nhánh, ngả theo hướng đông là sông Đá Bạch đổ ra cửa Bạch Đằng, còn ngả rẽ về hướng đông nam là Sông Giá. Bờ bên tây là xã Lại Xuân, bờ bên đông là xã Liên Khê, đều thuộc địa phận của huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. *Đại Nam nhất thống chí* ghi rằng sông xã Đồn Sơn có một trái núi hình như con mèo, tục gọi là Kênh Mèo.<sup>(22)</sup> *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* gọi đây là ngã ba Con Mèo, nơi đây đời Gia Long có đặt đồn thủ ngự.<sup>(23)</sup> Đoạn từ ngã ba Con Mèo đổ ra sông Bạch Đằng là sông Kinh Mỹ, dân gian gọi là đò Chợ Lạ, chiều dài 9200 tầm, sau khi đổ vào sông Bạch Đằng thì cùng đổ ra cửa Nam Triệu.<sup>(24)</sup> Từ ngã ba Con Mèo, một dòng 12 dặm đến sông Bạch Đằng là chi nhánh phía bắc (tức sông Đá Bạc), một dòng 19 dặm đến cửa biển Bạch Đằng<sup>(25)</sup> là chi nhánh ở phía nam (tức Sông Giá).

Thế kỷ 17, Cố Viêm Vũ (1613-1682), trong *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* (q. 118), miêu tả thủy trình từ Khâm Châu đi vào nước ta như sau: “Vào Giao Chỉ có ba đường. Một đường do Phục Ba - Quảng Đông về sau, thủy quân đều theo lối này. Từ biển lớn ở phía nam Khâm Châu, giương buồm 1 ngày đến bờ tây nam tức là trấn Triều Dương của Giao Châu. Thượng thư Hoàng Phúc bàn rằng huyện Vạn Ninh của Giao Chỉ tiếp liền với cửa biển Vân Đồn, cũng liền với các địa phương của Quảng Đông và Khâm Châu, rất mực hiểm yếu... Những năm Gia Tĩnh, Tri phủ Trương Nhạc tìm được hải đạo Quảng Đông, từ biển trước núi Quán Sơn của Khâm Châu, nhổ neo thuận theo gió bắc thì một hai ngày có thể đến phủ Hải Đông của Giao Chỉ. Còn nếu men theo bờ biển mà đi thì từ đỉnh Ô Lôi một ngày đến Bạch Long Vĩ, từ Bạch Long Vĩ đi 2 ngày thì đến Ngọc Sơn Môn, lại 1 ngày đến châu Vạn Ninh, từ Vạn Ninh 2 ngày đến Miếu Sơn, từ Miếu Sơn 3 ngày đến phủ

Hải Đông, từ Hải Đông 2 ngày đến xã Kinh Nhiệt, có đê đá do họ Trần xây để ngăn quân Nguyên. Lại một ngày đến cửa sông Bạch Đằng qua Thiên Liêu tuần ty, phía nam đến cửa biển An Dương, lại về nam nữa thì đến cửa biển Đa Ngư, đều có cảng nhánh để vào Giao Châu. Từ Bạch Đằng mà vào thì đi qua hai huyện Thủy Bàng và Đông Triều, sẽ đến huyện Chí Linh phủ Hải Dương, lại qua các sông Hoàng Kênh<sup>(26)</sup> và Bình Than. Nếu từ cửa Đồ Sơn mà vào, thì giữ huyện Cổ Trai, lại nhắm huyện Nghi Dương, đi qua phía bắc của huyện An Lão, đến huyện Bình Hà, đi qua phía nam của Thượng Hồng- Nam Sách là vào. Còn nếu từ cửa biển Đa Ngư mà vào thì từ hai huyện An Lão - Tân Minh mà đến Tứ Kỳ, ngược dòng Sông Hồng đến Khoái Châu, qua Hàm Tử Quan mà vào. Phía nam cửa Đa Ngư là cửa biển Thái Bình, đường ấy men theo hai phủ Thái Bình và Tân Hưng, cũng đi qua Khoái Châu mà đến cửa Hàm Tử Quan, [đó là] theo sông Phú Lương mà vào. Đường biển thì đại khái như vậy.”<sup>(27)</sup> Như vậy, đường từ cửa Bạch Đằng vào thì qua Thiên Liêu tuần ty (hoặc Thiên Bảo tuần ty, như *An Nam đồ chí*) đi qua các huyện Thủy Bàng và Đông Triều đến Chí Linh. Đây chính là tuyến đường thủy theo sông Bạch Đằng cổ ở phía bắc tức hệ sông Kinh Thầy - Đá Vách - Đá Bạc ngày nay. Đoạn cuối cùng của hệ sông này, thấy Cổ Viêm Vũ ghi sông Hoàng Kênh có lẽ chỉ đoạn sông Kinh Thầy/ Bạch Đằng chia tách hai huyện Nam Sách và Chí Linh, qua Hoàng Kênh sẽ là sông Bình Than tức đoạn sông Lục Đầu Giang (từ Lâu Khê lên đến Phả Lại).

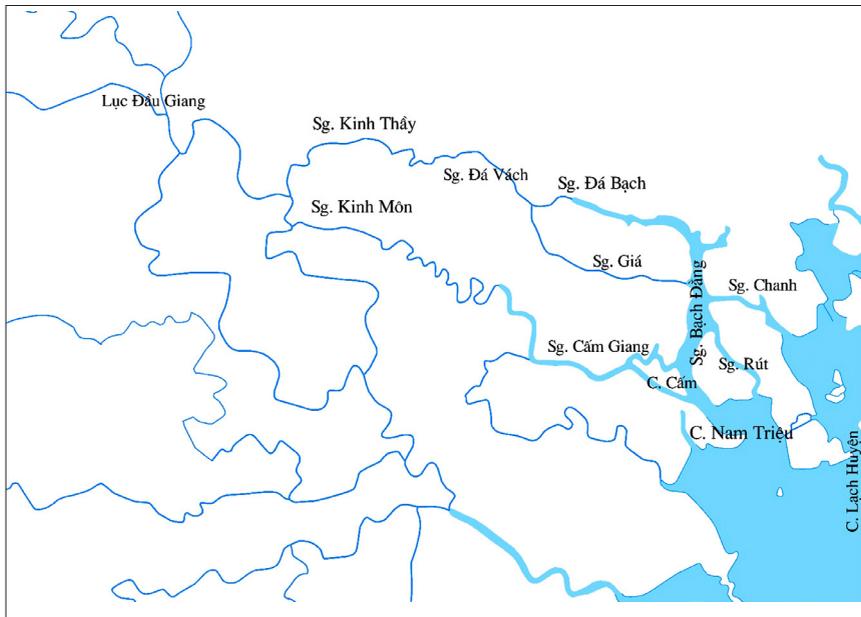
Đến đây, có thể biểu diễn dòng chính của sông Bạch Đằng (tk 10-17) qua bảng sử liệu sau.

TK	H. Chí Linh H. Nam Sách	H. Đông Triều H. Kinh Môn	H. Đông Triều H. Thủy Nguyên	H. Quảng Yên H. Thủy Nguyên	H. An Hải H. Quảng Yên
20	S. Kinh Thầy →	S. Đá Vách →	S. Đá Bạc →	S. Bạch Đằng →	C. Nam Triệu
19	S. Thủ Chân <sup>(28)</sup>	S. Thủ Chân	S. Thủ Chân	S. Thủ Chân	C. Nam Triệu
17	S. Hoàng Kênh	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	C. Bạch Đằng
16	x	x	x	x	Biển Bạch Đằng
15	S. Bình Than	S. Đô Lý →	S. Bạch Đằng →	Giáp Giang →	C. Bạch Đằng
14	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	C. Bạch Đằng
10	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	S. Bạch Đằng	C. Bạch Đằng

Chú thích: S. = sông. B. = biển. → = tuyến sông chảy,

H. = huyện. x = thiếu sử liệu. TK. = thế kỷ.

Về địa lý học lịch sử, sông Bạch Đằng cổ là để chỉ toàn bộ tuyến sông từ Lục Đầu Giang ra đến cửa biển Bạch Đằng, gồm hai nhánh chính hiện nay là tuyến sông Kinh Thầy (ra cửa Nam Triệu) và tuyến sông Kinh Môn (ra Cửa Cấm). Tổng chiều dài của mỗi nhánh sông là khoảng 120 km, gấp ba lần so với sông Bạch Đằng hiện nay. Vùng cửa biển Bạch Đằng bao gồm các cửa Nam triệu, Cửa Cấm (Hình 3).

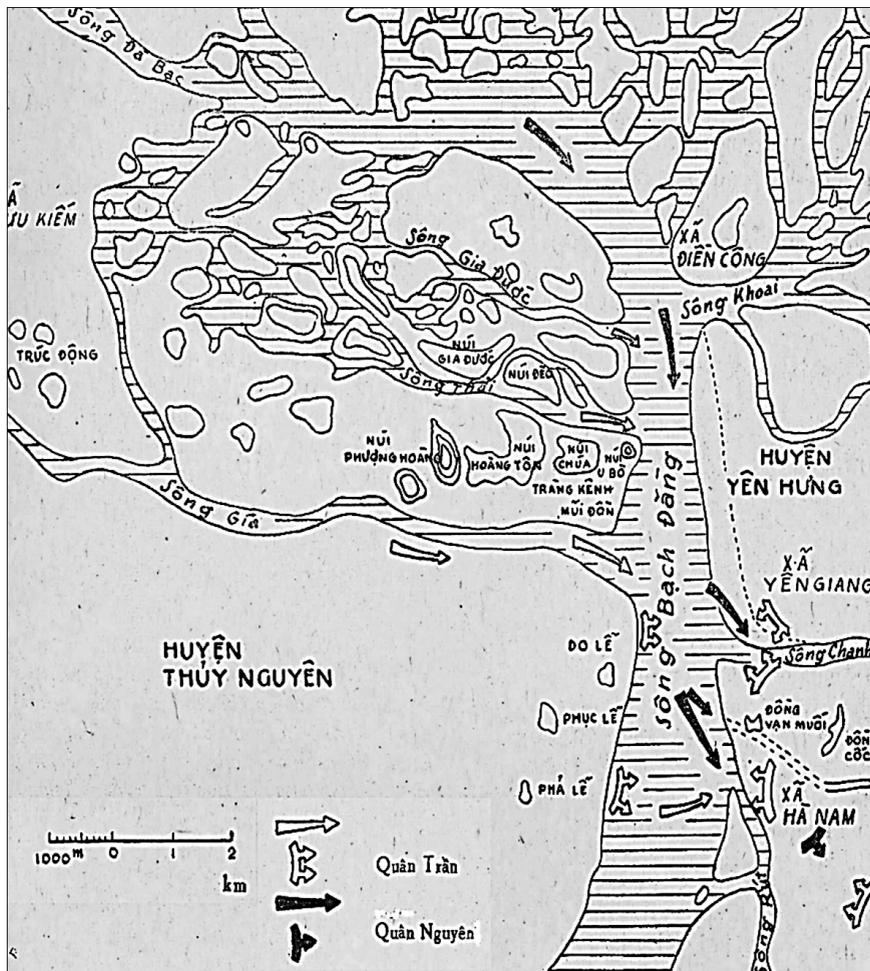


Hình 3: Bản đồ hệ sông Bạch Đằng - cửa Bạch Đằng.

### III. Cửa Bạch Đằng - sông Bạch Đằng trong lịch sử Việt Nam

Sau khi đã xác định được trường độ sông Bạch Đằng cổ, chúng ta có thể vạch ra một lược sử về Bạch Đằng như sau. Năm 938, Hoàng Tháo nhà Hán đem chiến thuyền tiến đánh vào cửa sông Bạch Đằng. Ngô Quyền lợi dụng thủy triều, đóng cọc bịt sắt bắt giết được Hoàng Tháo, quân Hán chết quá nửa.<sup>(29)</sup> Năm 981, tướng Lưu Trùng nhà Tống đem quân vào sông Bạch Đằng đánh trận ở Lục Đầu Giang,<sup>(30)</sup> Lê Hoàn làm tướng đánh giặc, sai quân đóng cọc ngăn sông, đại phá quân giặc.<sup>(31)</sup> *Tống sử* chép Hầu Nhân Bảo chết trận.<sup>(32)</sup> Năm 990, sứ giả Tống Cảo và Vương Thế Tắc nhà Tống mang sách phong tiến vào sông Bạch Đằng, nương theo thủy triều đến trạm Nại Chính ở Trường Châu.<sup>(33)</sup> Đặng Xuân Bảng chú thích quãng đường này như sau: “Xét [vua] Lê đóng đô ở Hoa Lư (nay là huyện Gia Viễn, Ninh Bình), thì thưở ấy sứ nhà Tống đến sông Bạch Đằng (thuộc huyện Thủy Đường, Hải Dương) phải theo ven biển đi vào sông Tranh (huyện Vĩnh Lại), rồi đi suốt sông Luộc tỉnh Hưng Yên, xuống sông Châu Cầu huyện Lý Nhân, mới đến được kinh thành Hoa Lư”.<sup>(34)</sup>

Đến đời Trần, ngay cửa Bạch Đằng thấy có địa danh hành chính cấp xã, đó là xã Hữu Triều Môn, quan cai quản là Tiểu ty xã.<sup>(35)</sup> Năm 1287, cá voi mắc cạn, chết ở sông Bạch Đằng, mình dài 2 trượng 6 thước, rộng 6 thước.<sup>(36)</sup> Theo Trần Quốc Vượng, thờ cá voi ở vùng này là một tín ngưỡng phổ biến, sau đó mới dần dần được “nhân hóa” thành những tên thần như Đông Hải Đại Vương, rồi hòa kết với các vị thần (nhân vật lịch sử) có công với cộng đồng như Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, Hoài Đạo Vương Nguyễn Nộn.<sup>(37)</sup>



Hình 4: Bản đồ trận Bạch Đằng năm 1288. Nguồn: Phan Đại Doãn (1970: 77).

Năm 1288, Hưng Đạo Vương đóng cọc trên cửa Bạch Đằng, đánh bại quân Nguyên. Theo các kết quả của khảo cổ học, các bãi cọc trong trận chiến quyết định năm 1288 bao gồm: 1) Bãi cọc Yên Giang, nằm trong đê trên cánh đồng phía bên trái Sông Chanh thuộc xã Yên Giang huyện Yên Hưng, cách 414m về phía đông tính từ ngã ba sông Bạch Đằng - Sông Chanh, cách thị trấn Quảng Yên 2km về hướng tây. Các cọc gỗ lim có đường kính từ 20-29cm (hoặc 32cm), dài từ 2-2,8m, được đóng với mật độ 0,9-1,2m một cọc; 2) Bãi cọc ở cánh đồng Vạn Muối (đồng Quai, hữu ngạn Sông Chanh, thuộc thôn Đồng Cốc xã Nam Hòa huyện Yên Hưng) cách 3km về phía tây nam thị trấn Quảng Yên. Đây là cửa Sông Kênh cổ đã bị bồi lấp, trũng lũng Mát Ròng chính là cửa từ Bạch Đằng đổ vào Sông Kênh; 3) Bãi cọc vùng cửa Sông Rút, được đóng từ bờ trái, gần ngã ba giáp sông Bạch Đằng.<sup>(38)</sup> Việc đóng cọc trên sông Bạch Đằng như sử chép, thực chất là việc đóng cọc trên các nhánh sông 8 - 9 - 10 nơi quân giặc có thể rút chạy. Còn cửa Bạch Đằng thì do đại binh của hai vua Trần trấn giữ.

Như vậy, trận địa Bạch Đằng được dựng lên bao gồm: 1) Cánh phía trong đất liền là đại quân của Hưng Đạo Vương đóng ở khu vực từ sông Gia Đước, Núi Đèo, núi Hoàng Tôn, Núi Chúa, núi U Bò, Mũi Đồn, áng Hồ, áng Lác, áng Chậu (vùng Tràng Kênh) với lực lượng thủy quân đóng ở Sông Thái - sông Gia Đước, và cả vùng Sông Khoai - Sông Uông; 2) Cánh quân bên đông phục binh ở Yên Giang - Hà Nam, chặn chốt đường rút chạy ở các Sông Chanh - Sông Rút - Sông Kênh. 3) Đại quân của hai vua Trần đóng phía ngoài hai bên bờ cửa chính Bạch Đằng. 4) Cánh quân ở Liên Khê - Lưu Kiếm ở đoạn từ Do Lễ, Phục Lễ, Phả Lễ trở ra cửa biển. Nhưng để bài binh bố trận Bạch Đằng, chúng ta còn phải tính đến các cánh quân đánh chặn ở vành ngoài, để “lùa giặc” vào đúng trận địa. Cánh quân thứ nhất ở ngã ba Lâu Khê đánh chặn không cho giặc đi vào sông Kinh Môn - Cửa Cấm; cánh quân thứ hai ở ngã ba Hoàn Sơn đánh chặn đường xuống sông Kinh Thầy - Sông Cấm, buộc địch phải đi theo sông Đá Vách; cánh quân ở Phà Đụn ngăn giặc đi vào sông Kinh Thầy, cánh quân ở ngã ba Kênh Mèo ngăn giặc đi vào Sông Giá, cánh quân ở ngã ba ngăn giặc đi vào Sông Thái.

Diễn biến trận Bạch Đằng có thể tóm tắt như sau. Khi đoàn thuyền Ô Mã Nhi gồm 400 - 500 chiếc<sup>(39)</sup> rút từ Vạn Kiếp ra biển, quân kỵ binh của Trịnh Bằng Phi đi theo hộ tống dọc theo bờ bắc. Ngày 4/4/1288, Trịnh Bằng Phi bị đánh chặn ở chợ Đông Triều nên buộc phải quay lại Lục Đầu Giang về với đại quân của Thoát Hoan.<sup>(40)</sup> Ngày 8/4/1288, đoàn thuyền Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp bị đánh chặn ở Trúc Động (và có thể cả ở ngã ba Kênh Mèo) nên không thể rút theo Sông Giá, Sông Thái. Sáng 9/4/1288, đoàn từ sông Đá Bạc tiến vào Bạch Đằng, Hưng Đạo Vương cho quân khiêu chiến, “câu giờ chờ nước xuống” rồi giả thua rút chạy, dẫn địch vào trận địa chính vào tầm đầu giờ trưa khi con nước rút mạnh nhất.<sup>(41)</sup> Khi giặc đã lọt vào trận địa, các cánh quân hai bên bờ đổ ra, bè lửa được thả xuôi theo dòng nước đổ về trận địa. Từ ngoài cửa biển, chiến thuyền và quân phục kích hai bên bờ đổ ra chặn lối thoát chính ở cửa Bạch Đằng. Quân giặc bị lùa vào ở Sông Chanh - Sông Kênh - Sông Rút, liền đâm vào các bãi cọc chìm vỡ và ùn tắc, giặc bỏ thuyền chạy vào bờ liền bị truy kích, “tên bắn như mưa”. Quân nhà Trần từ các hướng đổ ra đánh rát. Đến 5 giờ chiều (giờ Dậu) toàn bộ binh thuyền giặc bị tiêu diệt. *Toàn thư* ghi: “quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông đến nổi đỏ ngầu”, như Trương Hán Siêu tả “giáo gãy chìm sông, xương khô chất đầy gò”. Ô Mã Nhi Bạt Đô bị Đỗ Hành bắt sống. Đại quý tộc Tích Lệ Cơ cũng chịu chung số phận. Tham chính Phàn Tiếp bị thương nặng, nhảy xuống sông trốn bị câu liêm móc lên.<sup>(42)</sup> Vạn hộ thủy quân Trương Ngọc chết tại trận. Nguyễn Khoái bắt sống Bình Chương Áo Lỗ Xích.<sup>(43)</sup> Quân nhà Trần thu hơn 400 chiến thuyền (*Toàn thư*). Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là một mốc quan trọng trong lịch sử.



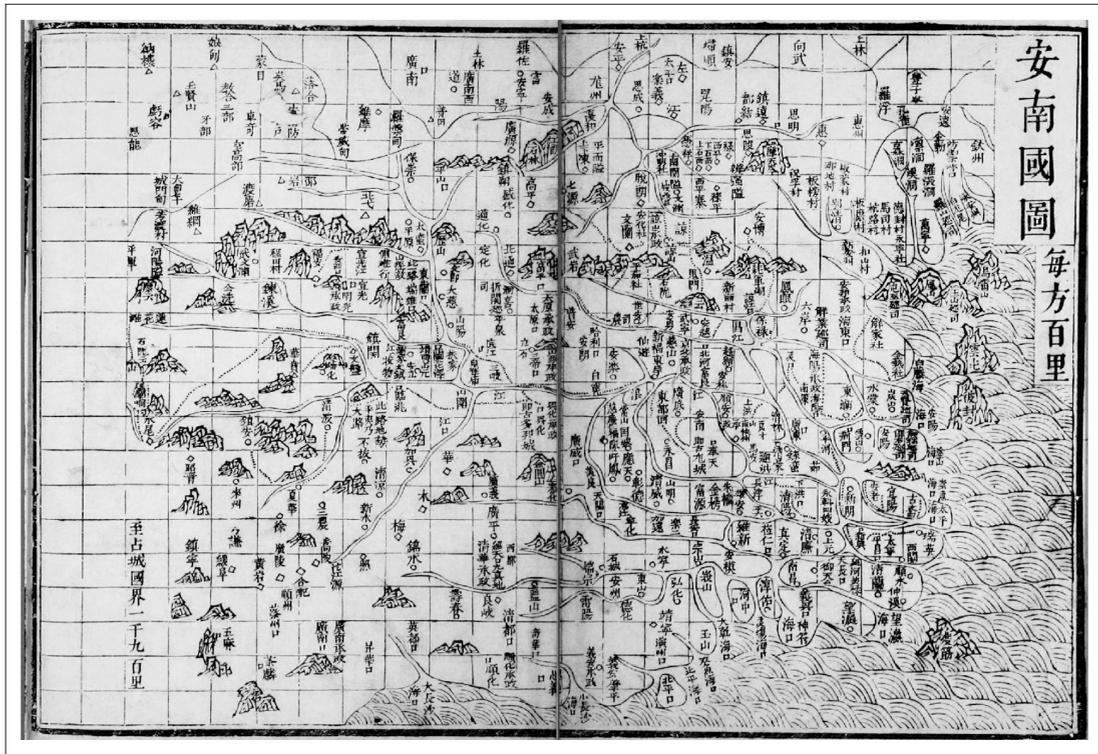
Hình 5: Sông Bạch Đằng trong *Hồng Đức bản đồ*. Nguồn và ảnh: Thư viện Đại học Hiroshima.

Bạch Đằng,<sup>(47)</sup> cùng với các địa danh Kim Tiêu, Phân Mao thuộc về An Bang. Năm 1490, *Hồng Đức bản đồ* vẽ cửa biển Bạch Đằng - sông Bạch Đằng là một vùng sông nước rộng lớn. Phía đông là huyện Hoa Phong (Nghieu Phong thời Nguyễn, tức huyện Yên Hưng nay), phía tây là huyện Yên Hưng, phía tây bắc và bắc là huyện Hoàn Bồ.<sup>(48)</sup> Như vậy, vào thế kỷ 15, trật tự tên gọi của các con sông này là khác so với nay (xem bảng thống kê ở trên).

Thế kỷ 16, *An Nam quốc đồ* vẽ và ghi biển Bạch Đằng (白藤海) nằm phía trên các cửa An Dương 安陽海口, cửa Đồ Sơn 塗山海口, cửa Tố Ngư 素魚海口 (sic: Đa Ngư 多魚) và cửa Thái Bình 太平海口, phía bên ngoài là đảo Bị Phong 被封 (tức Chi Phong, Nghieu Phong, khu vực đảo Hà Nam nay) và hướng đông bắc là đảo Vân Đồn 雲屯. Bờ phía bắc của biển Bạch Đằng là xã Kim Nhiệt, xã Giải Gia, Giải Nghiệp tuần ty; bờ phía nam là Thiên Bảo tuần ty, núi Sơn Hôi thuộc huyện Thủy Đường. Cách ghi “biển Bạch Đằng” chỉ vùng biển ngoài cửa Bạch

Đầu thế kỷ 15, Hồ Quý Ly cũng từng cho đóng cọc trên sông Bạch Đằng để ngăn quân Minh, nhưng thất bại, Nguyễn Trãi trong bài *Quan hải* còn mô tả “cọc đóng trùng trùng trước sóng biển, xích sắt căng sông cũng vây thoi” (樁木重重海浪前, 沉江鐵鎖亦徒然), rõ ràng là miêu tả việc “khóa cửa biển” hay coi biển như một chốn quan ải để phòng thủ,<sup>(44)</sup> ngoài việc đóng cọc trên sông còn có cả “xích sắt” giống như nhiều sử liệu khác từng chép về công tác phòng thủ cửa biển. *An Nam chí nguyên* (1419) ghi sông Bạch Đằng nằm ở huyện An Hòa, trên thì liền với sông Đô Lý 都哩, dưới hòa vào với Sông Hiệp 峽江 (hoặc Giáp Giang) rồi đổ ra biển. Xét, huyện An Hòa (tức Yên Hưng nay) thời Minh thuộc phủ Tân An châu Tĩnh An, nơi đây có Ty thuế muối trường An Hòa.<sup>(45)</sup> Sông Hiệp / Giáp Giang của huyện Giáp Sơn tức sông Đá Bạc ngày nay.<sup>(46)</sup> Năm 1434, *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi ghi Vân Cừ là tên khác của sông

Đằng là mới, chưa từng thấy ghi nhận ở đâu. Về hình thể, ta thấy cửa Bạch Đằng vẫn còn hình dạng của một vùng cửa biển cấu trúc châu thổ (delta) (chứ không phải vùng cửa sông hình phễu như ngày nay). Cách ghi này có khả năng kế thừa từ bản đồ trước đó, vì quá trình phễu hóa của cửa Bạch Đằng bắt đầu từ cuối thế kỷ 13 đầu thế kỷ 14 trở về sau.<sup>(49)</sup> Vì thế vùng cửa biển được kiến tạo bởi cửa sông Bạch Đằng khi đó vẫn ở dạng “lưỡi trai” liếm ra phía biển.



Hình 6: Biển Bạch Đằng trong An Nam quốc đồ, 1570.  
 Nguồn: An Nam đồ chí. Ảnh: Thư viện Đại học Waseda.

Đầu thế kỷ 19, *Hải Dương phong vật chí* (1811) mô tả sông huyện Chí Linh chảy dọc theo huyện Thủy Đường rồi đổ vào sông Bạch Đằng, núi sông chen lẫn. Ra đến biển thì phía đông thông với An Quảng, chảy ngược lên đến trấn thành. Đây được coi như là con đường trọng yếu của vùng duyên hải. Thuyền bè qua lại tấp nập dọc theo các xã Bí Giang - Lâm Xá - Trạ Hà - An Lâm. Các nơi đều có bến chợ để giao thương, là các điểm tụ họp.<sup>(50)</sup> Dương Bá Cung chú thích rằng cửa Bạch Đằng là cảnh núi sông danh thắng vào bậc nhất của huyện Thủy Đường. Sông nằm trên địa phận ba huyện Hoa Phong - Yên Hưng - Hoàn Bò. Phía đông đến biển là đất Khâm Châu tỉnh Quảng Đông, cách vài trăm dặm là đến núi Phân Mao.<sup>(51)</sup>

Vào thời Đồng Khánh (1887), bờ đông của cửa Bạch Đằng thuộc địa phận xã Hải Yến tổng Hà Nam huyện Yên Hưng, bờ tây nằm trên địa phận xã Phục Lễ huyện Thủy Đường tỉnh Hải Dương. Cửa rộng 472 trượng. Triều cường nước sâu

5 trượng, triều rạch nước sâu 3 trượng 4 thước. Vào đến đoạn sông Bạch Đằng thì cửa rộng 200 trượng. Triều cường nước sâu 2 trượng 5 thước, triều rạch nước sâu 1 trượng 7 thước.<sup>(52)</sup> Cửa Nam Triệu nằm cách huyện An Dương phủ Kiến Thụy<sup>(53)</sup> 25 dặm về phía đông bắc. Cửa rộng 100 trượng. Triều cường nước sâu 1 trượng, triều rạch nước sâu 8 thước. Đây là cửa biển mà các thuyền công, thuyền tư thường qua lại. Năm 1805, đời Gia Long, triều đình cho phép quan địa phương mỗi năm vào dịp tháng Giêng lại bày pháp đàn cúng tế cầu cho mưa thuận gió hòa.<sup>(54)</sup> Đến thời Pháp, có Nha Thương chính đặt ở bờ bắc của xã Hạ Lý tổng Da Viên. Lại có đồn Ninh Hải Nhất (xã Lạc Viên tổng Da Viên) và Ninh Hải Nhị (xã Da Viên tổng Da Viên) đặt dọc theo cửa Nam Triệu.<sup>(55)</sup> *Đại Nam nhất thống chí* cho biết, năm Tự Đức (1847-1883) có đặt ba đồn, là đồn Ninh Hải Nhất (trên bến Sáu Kho, Hải Phòng), đồn Ninh Hải Nhị (trên bến Tả Quan huyện Thủy Nguyên), đồn Ninh Hải Tam (trên xã Hạ Lý, mặt phố Hải Phòng).<sup>(56)</sup> Vào sâu trong đất liền, còn có đồn Kiên Bái trên sông Kiên Bái thuộc địa phận xã Kiên Bái huyện Thủy Đường.<sup>(57)</sup> *Hải Dương phong vật chí* ghi, nước từ sông Tam Kỳ trên địa phận xã Hoàng Lâu chuyển về phía nam đến giáp phận huyện Nghi Dương, còn nhánh phía bắc thì giáp đến địa phận huyện Thủy Đường rồi cùng đổ về phía cửa biển Nam Triệu.<sup>(58)</sup>

Đến đầu thế kỷ 20, cửa Nam Triệu được mô tả trong hệ thống sông Thái Bình như sau: “Sông Thái Bình lại có hai chi hợp lưu, một là sông Cầu 棊江, phát nguồn từ hồ Tam Hải 三海湖 (hồ Ba Bể) của Cao Bằng, chảy qua các địa phận Chợ Mãi và Đập Cầu 塔棊 (tên đồn) của Thái Nguyên đến [sông] Phả Lại 普賴, rồi cùng hợp lưu với sông Thái Bình, thuyền hơi nước từ đây chỉ có thể đến Đập Cầu, từ Đập Cầu trở lên đến Thái Nguyên, nên đi bằng thuyền ván, thì mới có thể ngược tiếp lên được. Hai là sông Lục Nam 陸南, phát nguồn từ châu Thoát Lãng 脫朗 của Lạng Sơn đi qua địa phận châu Chu An 朱安, chợ Lầm 嚮淋, hạ lưu đến Chí Linh 至靈, rồi hợp lưu với Thương Giang, đều đổ về hạ lưu sông Thái Bình của tỉnh Thái Bình, đi qua địa phận ba huyện Thanh Hà 清河, Vĩnh Bảo 永保, Tiên Lãng 先朗 của tỉnh Hải Dương, chia làm năm nhánh, theo các cửa biển Thái Bình 太平, Nam Triệu 南趙, Văn Úc 文郁, Cẩm Giang 禁江, Bạch Đằng 白藤, rồi đều đổ vào vịnh biển Đông Kinh”.<sup>(59)</sup>

### Lời kết

Bạch Đằng là sông lớn đầu tiên ở dải bờ biển dài 250km phía đông bắc Việt Nam, là cửa cảng đầu tiên nối liền với kinh đô Thăng Long,<sup>(60)</sup> thông nối các luồng giao thông (văn hóa - kinh tế - dân cư) từ khu vực Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc). Cùng với Vân Đồn, Bạch Đằng trở thành nơi kết nối nam bắc, là nơi tàu thuyền các nước Champa, Xà Bà (Java), Cao Miên... đến trao đổi buôn bán. Bạch Đằng - Vân Đồn đã trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới mậu dịch quốc tế.<sup>(61)</sup> Từ Bạch Đằng đến kinh đô Thăng Long, và ngược dòng lên nữa

theo Sông Hồng đến các vùng cao, vào sâu trong lục địa, giao lưu buôn bán với Đại Lý- Vân Nam, với Miến Điện (thượng nguồn của sông Irawaddi).<sup>(62)</sup> Và nếu lùi sâu hơn nữa vào lịch sử, với các di chỉ Tràng Kênh (Kinh Môn, Hải Dương), di chỉ Núi Đèo (thuộc văn hóa Đông Sơn, Thủy Nguyên), các di chỉ của văn hóa Hạ Long (cuối thời Đá mới, đầu thời kỳ Kim khí, cách nay 4000 năm), di chỉ Cái Bèo (6000-7000 năm), thì Bạch Đằng tồn tại như một cửa ngõ để trao đổi (xuất - nhập hàng hóa đặc biệt là ngọc bích jadeite, ngọc đỏ nâu nephrit) liên kết các nhóm Thái từ bắc Miến Điện qua Vân Nam xuống đồng bằng Sông Hồng rồi theo thuyền biển băng qua Thái Bình Dương đến tận Nam Mỹ. Trong thiên kỷ thứ nhất, khi Luy Lâu - Long Biên là trung tâm chính trị văn hóa, thì tuyến Sông Rừng - Kinh Thầy - Lục Đầu Giang - Sông Dâu (Cổ Châu) là huyết mạch cho công việc di dân, cùng những quan lại đô hộ, thương nhân người Hoa người Việt đi buôn bán lâm - thổ - thủy sản. Hẳn nhiên, Bạch Đằng trở thành hải cảng tiền tiêu kết nối với các thị trường phía Đông Bắc với các thị trường Mã Lai - hải đảo Nam Dương - Tây Á.<sup>(63)</sup> Từ thế kỷ 10-16, Bạch Đằng chiếm vị trí quan trọng – như một cửa nước của toàn bộ Bắc Bộ, nối liền với kinh đô Thăng Long, ra Vân Đồn, vào nam ra bắc, hòa lưu với con đường tơ lụa - kỳ nam - trầm hương - gôm sứ trong khu vực và quốc tế. Đến thế kỷ 16-17, Bạch Đằng là bến xuất khẩu các sản phẩm gôm sứ được sản xuất từ các lòn ven sông như Bát Tràng - Chí Linh - Nam Sách - Thanh Hà. Từ đây, sản phẩm gôm sứ Đại Việt có mặt ở 23 nơi trên toàn Đông Nam Á.<sup>(64)</sup> Như thế Bạch Đằng - Vân Đồn đã trở thành hệ cảng thị gôm sứ. Sông Bạch Đằng chỉ hết vai trò quan trọng khi dòng chính của Sông Hồng chuyển dần xuống phía nam qua hệ sông Thái Bình và Sông Đáy. Có thể nói, sông Bạch Đằng và vùng cửa biển Bạch Đằng là cửa biển hệ sông có vị thế địa chính trị, địa chiến lược, vì thế chiếm một vị trí đặc biệt trong những trang vàng của lịch sử Việt Nam.<sup>(65)</sup>

## T T D

### CHÚ THÍCH

- (1) Nói Bạch Đằng thuộc hệ thống sông Thái Bình là theo cách phân loại của các nhà địa lý học Pháp đầu thế kỷ XX. Bài này, muốn chỉ ra rằng, sông Bạch Đằng từ thế kỷ 16 về trước mới là hệ sông chính - là cửa ngõ để đi vào Thăng Long, là một cảng quốc tế, chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử Việt Nam.
- (2) Thanh, T.D., Saito, Y., Dinh, V.H., Nguyen, H.C., Do, D.C., 2005. "Coastal erosion in Red River Delta: current status and response". In Z.Y. Chen, Y. Saito, S.L. Goodbred, Jr. edS., *Mega-Deltas of Asia: Geological evolution and human impact*, China Ocean Press, Beijing, pp. 98-106. Trần Đức Thạnh, 2013. *Đặc trưng cơ bản về điều kiện tự nhiên vùng chiến trường Bạch Đằng năm 1288*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học 725 năm Chiến thắng Bạch Đằng. Quảng Yên ngày 27/3/2013, tr 14 - 31.
- (3) Trần Đức Thạnh, 2013, *Đặc trưng cơ bản...*, bđd, tr 15.

- (4) Geopolitics (địa - chính trị, theo cách dịch của Trần Quốc Vượng (1999: 202), hoặc là chính trị học địa lý, ở đây vẫn theo chữ của TQV) là một phương pháp phân tích chính trị chú ý đến vai trò của địa lý trong quan hệ quốc tế. Các nhà lý thuyết địa - chính trị cho rằng những biên giới chính trị tự nhiên và các thủy đạo giao thông quan trọng có ý nghĩa sống còn đối với một quốc gia. Địa - chính trị là khác với địa lý học chính trị (political geography) một nhánh của Địa lý học, quan tâm đến mối quan hệ giữa chính trị và môi trường. [A. Dorpalen, *The World of General Haushofer* (1942, repr. 1966); W. A. D. Jackson, ed., *Politics and Geographic Relationships* (2<sup>nd</sup> ed. 1971); S. B. Cohen, *Geography and Politics in a World Divided* (2<sup>nd</sup> ed. 1973); P. O'Sullivan, *Geopolitics* (1986). Chuyển dẫn: <https://encyclopedia2.thefreedictionary.com/Geopolitic>; xem thêm William A Darity Jr (editor in Chief), 2008. *International Encyclopedia of the Social Sciences* (2<sup>nd</sup> Ed: Volume 3). Macmillan Reference USA. Course Technology Cengage Learning, p.304].
- (5) Trần Đức Thạnh, 1993. *Tiến hóa địa chất vùng cửa sông Bạch Đằng trong Holocen*. Tóm tắt Luận án PTS Địa lý - Địa chất. Người hướng dẫn: Nguyễn Cần & Đặng Đức Nga. Đại học Tổng hợp Hà Nội, tr 5.
- (6) Lê Đức An, Trần Đức Thạnh, 2010. *Về vị trí địa lý và vị thế thành Thăng Long*. Kỷ yếu Hội nghị quốc tế: Phát triển bền vững thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hòa bình. Hà Nội 7-9/10/2010. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 969 - 980.
- (7) Lê Đức An, Trần Đức Thạnh, 2010. *Về vị trí địa lý và vị thế thành Thăng Long*, bđd, tr 974.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. 1887. *Đồng Khánh địa dư chí* 《同慶地輿志》. Nguyễn triều Nội Các tàng bản. Ngô Đức Thọ - Nguyễn Văn Nguyên - Philippe Papin. "Géographie descriptive de l'empereur Đồng Khánh - The Descriptive Geography of the Emperor Đồng Khánh". Viện Nghiên cứu Hán Nôm & Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp. Nxb Bản đồ, Hà Nội, 1998, tr 414.
- (9) Cửa Cấm và Sông Cấm là nhánh lớn thứ hai sau nhánh Đá Vách-Đá Bạc.
- (10) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012: T2, tr 1243.
- (11) Sông Rừng / Sông Dàng còn lưu tích trong một số địa danh như làng Rừng, chợ Rừng, giếng Rừng, bến phà Rừng, bến Dàng, giếng Dàng,... Ca dao có câu: *Con ơi nhớ lấy lời cha, Mưa to gió lớn chớ qua sông Dàng*. Hay: *Nhất cao là núi U Bò, Nhất đông chợ Giá, nhất to sông Rừng*. Về từ nguyên, có nhiều cách giải thích khác nhau: 1) Sông Rừng là nói chệch của Sông Dàng, mà Dàng là gốc từ Dành với nghĩa nước dâng, nhưng d- và r- chỉ là một hiện tượng xóa nhòa mới từ thế kỷ 19 về sau. 2) Rừng - Dàng chỉ khu rừng rậm dọc hai bên sông Bạch Đằng, những bãi cọc gỗ là lấy từ chính nơi đây. 3) Theo Hoàng Thị Châu, thì Dàng mới là tên cổ nhất, nó là tên Nôm và được dùng hai chữ Hán Bạch Đằng để ký âm (dùng đ- để ký âm d-), có thể thấy các cặp địa danh Nôm- Hán như Sông Rum - *Lam Giang*, Ngàn Hống - *Hồng Lĩnh*, Dò - *Đỗ xá*, Dóng - *Phù Đổng*, Dóng Một - *Đổng Xuyên*, Dụ Dị - *Độ Trì*. [Hoàng Thị Châu, 1995. "Từ nguyên của tên sông Bạch Đằng", *Ngôn ngữ và đời sống*, 2/1995, tr 13. Tái bản trong *Hợp lưu những dòng suy tư: về địa danh, phương ngữ, và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014, tr 148-150]. Chúng tôi theo giả thuyết cuối.
- (12) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012: T2, tr 1243.
- (13) Xét, Hiệp Sơn hay Giáp Sơn đều là hai âm đọc của chữ Hán 峽山, nghĩa là "núi kếp", chỉ vùng đất hoặc dòng sông bị kẹp giữa hai núi. Khảo trên bản đồ không ảnh thì thấy, thị trấn của Kinh Môn và đoạn sông Kinh Thầy chảy qua đây vào đúng kiểu thế này. Phía bên Kinh

Môn là một vệt núi chạy suốt huyện, theo hướng tây bắc xuống đông nam, đầu phía trên nằm ở ngay bờ sông Kinh Thầy đoạn trên xã Phúc Thành (tọa độ 21°2'2"N, 106°25'45"E) chạy qua các xã Hiệp Hòa, Thượng Quận, An Phú, Hiệp Sơn, Hiệp An, đến thị trấn An Lưu thì núi chìm thấp xuống để sông Kinh Thầy chảy qua, rồi lại nổi lên ở đoạn bờ bên kia trên địa bàn các xã An Sơn - Phú Ninh - Quảng Thanh - Chính Mỹ.

- (14) Nguyên văn: “洶洶白藤濤，想象吳王船。...海浦千艨艟，陝門萬旌旂。” [Phạm Sư Mạnh 登石門留題].
- (15) 涉大灘口，溯東潮頭。抵白藤江，是泛是浮。 [Trần Đạm Trai 1811/2009: 42-43].
- (16) *An Nam chí nguyên* 安南志原, 1419/2017:160.
- (17) Nguyễn Trãi 阮 廌 (1380-1442). *Nam Việt dư địa chí* 南越輿地誌. Ngô Ngọc Phong 吳 午峰, Nguyễn Thư Hiền 阮舒軒, Nguyễn Hy Tư 阮希思, Lý Tử Tấn 李子晉 thông luận, Nguyễn Thiên Túng 阮天縱 tập chú, Nguyễn Thiên Tích cấn án. Khắc in 1868 bởi nhóm Dương Bá Cung. Trong “*Ức Trai di tập* 抑齋遺集” (6Q), VHv.1772/2,3 Viện NC Hán Nôm. Tái bản 1960, Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính chú thích, Nxb Sử học, Hà Nội, tr 111.
- (18) Đào Duy Anh dựa trên các cứ liệu về bãi cọc Bạch Đằng, sự thay đổi dòng sông, và các tài liệu địa lý học lịch sử, cho rằng, dòng chính của sông Bạch Đằng cổ là thuộc hệ Sông Giá - Sông Chanh, chứ không phải là sông Đá Bạc - sông Bạch Đằng như ngày nay. [Đào Duy Anh, 1969, “Những cọc lim đào được với sự đổi dòng của sông Bạch Đằng”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, trong *Đất nước Việt Nam qua các đời: nghiên cứu địa lý học lịch sử*. Nxb KHXH, Hà Nội, 2017, tr 424-444].
- (19) Đồ Mộng có khả năng là ngã ba Lâu Khê, nơi sông Kinh Thầy tách thành hai nhánh Kinh Thầy bắc (đổ ra Bạch Đằng) và Kinh Môn nam (đổ ra Cửa Cấm) bao bọc lấy huyện Kinh Môn.
- (20) Khoảng 8000-7000 năm trước, nước biển dâng, làm ngập vùng vịnh nằm giữa đảo Cát Bà và Đồ Sơn. Từ 7000-4000 năm trước, biển tiến tràn ngập khu vực Hải Phòng và vùng lân cận, đường bờ biển mở rộng nhất trong Holocen. Khoảng 4000-3000 năm trước, biển rút xuống. Khoảng 3000-2000 năm trước biển lại tái lấn. Từ 2000-1000 năm trước, biển lui, bờ biển tiến nhanh, cửa Bạch Đằng tồn tại như một cửa sông châu thổ, bồi tụ nhanh ở cả phía đông bắc và phía tây nam Đồ Sơn. Từ 500-700 năm trước, biển lại dâng dần, nhưng phù sa bồi đắp vẫn lấn lướt. Hiện nay đang trong quá trình thủy triều thắng bồi lấp gây xói lở. [Trần Đức Thạnh, 2009, *Khả năng ảnh hưởng dâng cao mực nước biển đến môi trường ven biển Hải Phòng*, Kỷ yếu Hội thảo “Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển bền vững thành phố Hải Phòng”, Hải Phòng, tr 47-48].
- (21) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012: T2: 1243.
- (22) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012: T2: 1243.
- (23) Lê Quang Định 黎光定 (Thượng thư Bộ Binh, hiệu đính), 1806, 皇越一統輿地志 *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. 嘉隆五年 (1806) 十一月二十日, 禮部左參知阮嘉吉序。秘閣藏。10.Q, 638 tờ, 1268 trang. Hữu Tham tri Bộ Binh Ngô Nhân Tĩnh hiệu chính, Hàn lâm chế cáo Lê Lương Thận khảo chính. Thư viện Viện Sử học. HV.528. Phan Đăng dịch chú và giới thiệu, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr 474.
- (24) Lê Quang Định 1806/2005: 474.
- (25) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012: T2: 1243.
- (26) Cao Xuân Dục (1910: Q21; 2012, T2: 1241) ghi sông Lâu Khê chảy từ sông Lục Đầu chia ba nhánh, trong đó nhánh thứ nhất theo hướng tây bắc quanh co qua ba tổng An Quế - tổng Lại

Thượng – tổng Hoàng Kênh, dài 33 dặm, khi đến xã Hoàng Kênh thì thành sông Tam Hiệp.

- (27) NV: “入交趾有三道。一由廣東伏波以來，水軍皆由之。自欽州、南大海，揚帆一日至西南岸，即交州、潮陽鎮。尚書黃福議交趾、萬寧縣接雲屯海口，并連廣東、欽州地方，最為險要。...嘉靖中，知府張岳訪得廣東海道，自廉州、冠山前海碇舟北風順利一二日可抵交之海東府。若沿海岸以行，則烏雷嶺一日至白龍尾，白龍尾二日至玉山門，又一日至萬寧州，萬寧二日至廟山，廟山三日至海東府，海東二日至經熟社，有石堤陳氏所築遏元兵者。又一日至白藤江口，過天寮巡司，南至安陽海口，又南至多魚海口，各有支港以入交州。自白藤而入則經水旁、東潮二縣，至海陽府、復經至靈縣，過黃徑、平灘等江。其自安陽海口而入則經安陽縣，至海陽府，亦至黃徑等江。由南策、上洪之北境以入，其自□山而入，則取古齋，又取宜陽縣，經安老縣之北，至平河縣，經南策上洪之南境以入。其自多魚海口而入，則由安老、新明二縣至四岐，遡洪江至快州，經鹹子關以入。多魚南為太平海口，其路由太平、新興二府，亦經快州、鹹子關口，由富良江以入。此海道之大畧也。” [顧炎武 (1613-1682), 《天下郡國利病書》 T.47. Q.118, 11a, 11b, 12a.]. Đào Duy Anh (1969/2017: 430) có trích dẫn sử liệu này, nhưng cắt bớt nhiều đoạn quan trọng, khiến cho việc giải đọc sử liệu nhiều chỗ không sáng rõ. Ông nhận định rằng: “đường mà thuyền ghe Trung Quốc đi vào kinh đô nước ta đó, có lẽ là đường theo sông Giá. Thế thì sông Bạch Đằng phải là tiếp theo sông Giá.” Chúng tôi không đồng thuận với luận điểm cho rằng Sông Giá là nhánh chính của cửa Bạch Đằng, mà vẫn bảo lưu cách hiểu nhánh sông Đá Bạc mới là nhánh chính của Bạch Đằng. Các cứ liệu về thủy văn học, địa mạo học vùng cửa biển Bạch Đằng cũng ủng hộ quan điểm này. [xin xem Trần Đức Thịnh 1984/2013 bđ].
- (28) Thế kỷ 19 ngoài tên Thủ Chân còn có Thủ Chính, Lâu Khê.
- (29) 戊戌〈晋天福三年〉冬十二月，...命弘操將舟師自白藤江入，...[吳權] 遂植杙海口兩傍。潮漲，權使人以輕舟挑戰，佯北以致之。弘操果進兵。至舟師既入杙內。潮退杙露，權乃進兵擊之，皆殊死戰。不暇治舟而潮退甚急，舟皆着杙以擱，蒼黃崩潰，士卒溺死太半。權乘勝追擊，擒弘操殺之。漢主慟哭，收餘眾而退。(Toàn thư).
- (30) Trần Bá Chí, 2003. *Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- (31) 辛巳二年〈宋太平興國六年，按歷代年紀諸本，皆以是年為天福元年，今改之〉春三月，侯仁寶、孫全興至諒山，陳欽祚至西結，劉澄至白藤江。帝自將禦之，使士卒植樁捍江，宋兵退，復至支陵江。帝令士卒詐降，以誘仁寶，因擒斬之。欽祚等聞水軍敗，引兵還。帝出諸將擊之，欽祚軍大敗，死者太半，屍填原野，擒其將郭君辨、趙奉勳歸華間。(Toàn thư).
- (32) 交州行營破賊于白藤江口，獲戰艦二百艘，知邕州侯仁寶死之。[Thoát Thoát 脫脫, 1345, <宋史> *Tống sử* / 本紀 凡四十七卷 / 卷四 本紀第四 / 太宗 趙炅一 / 太平興國六年.[底本：元至正本配補明成化本] . 楊家駱編，臺北市：鼎文，民 69 (1980). p.66, p.14059]
- (33) 庚寅二年〈宋淳化元年〉。宋遣左正言宋鎬、右正言王世則賫制冊，加封帝特進。帝遣牙內指揮使丁承正以船九艘，率三百人出太平軍迎之，由海口入，經半月自白藤江，乘潮而行。秋九月至長州奈征驛。帝郊迎耀之，以舟師戰俱，按轡偕行。(Toàn thư).
- (34) Đặng Xuân Bảng, 1910. *Sử học bị khảo* 史學備考. Tái bản 1997. Đỗ Mộng Khương dịch, Đỗ Ngọc Toại - Ngô Thế Long hiệu đính. Viện Sử học. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin. Từ Sông Tranh mà qua Sông Luộc thì nhảy cóc quá xa, từ Sông Luộc về đến Hưng Yên, rồi lại vòng xuống Nam Định, rẽ qua Sông Hoàng mới đến cửa Đại Ác (Cửa Đáy) thì là tuyến đường vòng sâu vào đất liền. Có lẽ bờ biển thế kỷ X có nhiều cù lao ven biển thông liền nhiều cửa biển từ Đồ Sơn, Văn Úc, Thái Bình, đến sông Ninh Cơ, rồi mới sang đến Đại Ác.

- (35) 甲申六年〈元至元二十一年〉，十二月，...二十六日，...時帝御輕舟幸海東，日晚未朝食。有小卒陳來者捧糲飯以進。帝嘉其忠，賜爵上品，兼白藤右朝門社小司社。
- (36) 丁亥三年,... 二月，海鯨鯨死於白藤江，長二丈六尺、厚六尺。
- (37) Trần Quốc Vương, *Việt Nam - cái nhìn địa văn hóa*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr.196.
- (38) Phan Đại Doãn, Diệp Đình Hoa, 1970. “Trận địa cọc trong chiến thắng Bạch Đằng năm 1288”, *Khảo cổ học*, số 5-6: 64-80.
- (39) Số lượng thuyền khi Ô Mã Nhi vào nước ta là 500 chiếc, đoạn sau *Toàn thư* ghi quân nhà Trần bắt được 400 chiếc. Nếu thuyền đi theo đội hình 5 thuyền 1 hàng mỗi hàng cách nhau 30-50m thì kéo dài khoảng 4-5km. [Phan Đại Doãn 1970: 80].
- (40) *Nguyên sử* - Q166, Trương Ngọc truyện: “Quân [Nguyên] trở về. An Nam đem quân chặn đánh, giao chiến luôn mấy ngày đêm”. [Chuyển dẫn Phan Đại Doãn 1970: 78].
- (41) Nguyễn Ngọc Thụy, 1964. “Về con nước triều trong trận Bạch Đằng 1288”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 63, tr. 36-53.
- (42) “楫與烏馬兒將舟師還，為賊邀遮白藤江。潮下，楫舟膠，賊舟大集，矢下如雨，力戰，自卯至酉，楫被創，投水中，賊鈎執毒殺之。” [(明)Tống Liêm 宋濂, 1369, <元史> / 列傳 凡九十七卷 / 卷一百六十六 列傳第五十三 / 樊楫. 底本: 洪武九十九卷本和南監本, 楊家駱主編, 台北:鼎文書局,1980。P.3908-3909]. *Toàn thư* ghi: “Ngày 17, đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ Ngọc, Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham chính Sầm Đoàn, Phàn Tiếp, Nguyên soái Điền, các Vạn hộ, Thiên hộ làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng.”
- (43) 壬子四年,... 三月八日，元軍會白藤江，迎張文虎等糧船，不遇。興道王擊敗之。...先是，王已植椿於白藤，覆叢草其上。是日乘潮漲時挑戰佯北，賊眾來追。我軍力戰。水落，賊船盡膠。阮蒯領聖翊勇義軍與賊戰，擒平章奧魯赤。 (*Toàn thư*).
- (44) Trần Trọng Dương, “Văn học biển đảo Việt Nam: nhìn từ lý thuyết diễn ngôn”. Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. Số tháng 11 (12)/2016, tr.59-63. Nguyễn Tuấn Cường, “Tu tưởng quân sự hướng biển của Nguyễn Trãi”, Tạp chí *Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, số 1/2017, tr. 37-42.
- (45) *An Nam chí nguyên* 安南志原, 1419/2017: 160, 240, 141.
- (46) Đào Duy Anh 1969/2017: 429. Tuy nhiên, Đào Duy Anh cho rằng sông Đô Lý chỉ có thể là khúc Sông Giá chảy qua Đuan Lễ, cứ liệu mà ông đưa ra là Đô Lý và Đuan Lễ gần âm nhau. Ông giải thích thêm rằng, nếu Sông Giá (Đô Lý) hợp với sông Đá Bạc (Giáp Giang) để đổ ra biển thì phải hiểu Sông Giá hợp với sông Đá Bạc mà thẳng vào phía Sông Chanh ngày nay để ra biển. Như vậy, sông Bạch Đằng phải là khúc sông từ cuối Sông Giá đến sông Chanh, sông này chảy qua huyện Yên Hưng (Yên Hòa) thời thuộc Minh. Cách giải đọc và tái lập của Đào Duy Anh là nấn sử liệu cho vừa với vị trí địa lý hiện tại. Sử liệu ghi ngắn gọn và rõ ràng rằng, sông Bạch Đằng trên thì tiếp Đô Lý, dưới thì liền với Giáp Giang để ra biển. Thế thì phải biểu diễn theo tuyến tính: Đô Lý → Bạch Đằng → Đá Bạc → cửa biển.
- (47) *Toàn thư* không thấy ghi địa danh Vân Cừ, đến đây lần đầu tiên mới thấy ghi trong sử liệu.
- (48) *Hồng Đức bản đồ và Giáp Ngộ niên bình Nam đồ* lưu tại Đại học Hiroshima 広島大學, Nhật Bản, Ký hiệu: 98846.
- (49) Trần Đức Thạnh, 2013. *Đặc trưng cơ bản...*, bđd, tr 14 - 31.
- (50) Trần Đạm Trai, 1811/2009: 46.
- (51) Trần Đạm Trai, 1811/2009: 54.

- (52) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 1887. *Đồng Khánh địa dư chí*, 1998, tr 414.
- (53) Phủ Kiến Thụy thời Nguyễn gồm các huyện Nghi Dương, An Dương, Kim Thành, An Lão. Nghi Dương ở phía đông bắc, tương đương với huyện Thủy Nguyên nay. An Dương ở phía đông nam phủ Kiến Thụy, tương đương với huyện Kiến Thụy và thành phố Đồ Sơn.
- (54) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012, T2: 1249.
- (55) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 1887. *Đồng Khánh địa dư chí*, 1998, tr 88, 40.
- (56) Cao Xuân Dục 1910: Q21; 2012, T2: 1249
- (57) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 1887. *Đồng Khánh địa dư chí*, 1998, tr.88.
- (58) Trần Đạm Trai, 1811/ 2009: 57.
- (59) Lương Trúc Đàm 梁竹潭, 1907. 《南國地輿》 (Nam quốc địa dư) - 《新訂南國地輿教科書》 (Tân định Nam quốc địa dư giáo khoa thư). Duy Tân Mậu Thân đông. Khắc in. TVQG: R.437; R.1424; R.640, tr 11a-11b.
- (60) Trần Đức Thạnh, 2013. *Đặc trưng cơ bản...*, bđd, tr 14.
- (61) Nguyễn Văn Kim, 2014. *Vân Đồn - Thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- (62) Trần Quốc Vượng, *Việt Nam - cái nhìn địa văn hóa*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr 207-208.
- (63) Trần Quốc Vượng, *Việt Nam - cái nhìn địa văn hóa*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr 194-195, 207-210.
- (64) Trần Quốc Vượng, *Việt Nam - cái nhìn địa văn hóa*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr 198.
- (65) Bài viết thuộc nhiệm vụ “Khảo cứu tư liệu Hán Nôm về các cửa biển Việt Nam trong lịch sử”, VASS. Bài đã tham gia Hội thảo quốc gia kỷ niệm chiến thắng Bạch Đằng tại Quảng Ninh, tháng 12-2018.

## TÓM TẮT

Bài này nghiên cứu về hệ sông Bạch Đằng và cửa biển Bạch Đằng từ góc độ của địa lý học lịch sử. Qua khai thác các nguồn bản đồ cổ, thi liệu cổ, sử liệu Hán văn, bài viết nghiên cứu diên cách địa lý của dòng sông cổ Bạch Đằng bằng thao tác bóc lớp niên đại của địa danh học lịch sử. Kết quả cho thấy, sông Bạch Đằng từ thế kỷ 10-16 bắt đầu từ Lục Đầu Giang ra đến biển là dòng chảy chính của Sông Hồng. Cửa sông Bạch Đằng là một hệ thủy văn phức hợp, là cửa biển hệ sông với đặc điểm đa sông - đa cửa, chiếm vị trí địa chính trị quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

## ABSTRACT

### BẠCH ĐẰNG RIVER AND BẠCH ĐẰNG ESTUARY: A GEOLOGICAL HISTORY STUDY

This paper deals with the Bạch Đằng River System and Bạch Đằng Estuary from the perspective of historical geography. Through the sources of ancient maps, ancient poetry, Chinese historical documents, studies on geographical successive changes of the ancient Bạch Đằng River by manipulating the date of historical topology. The results show that the Bạch Đằng River from the 10<sup>th</sup> - 16<sup>th</sup> century, starting from Lục Đầu Giang (the river part of gathering 6 rivers) to the sea, was the main flow of the Red River. Bạch Đằng Estuary had a complex hydrological system with multi-rivers and multi-estuaries, taking an important geopolitical position in the history of Vietnam.